

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2024/HSST
Ngày 21-3-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thu

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Bá Lý

2. Ông Nguyễn Văn Tuyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nhó - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 33/2024/TLST-HS ngày 06 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2024/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 03 năm 2024, đối với bị cáo:

Đào Trọng S (tên gọi khác: T), sinh năm: 1993 tại Gia Lai; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Hoàng Y, xã Ia P, huyện C, tỉnh Gia Lai; nơi cư trú trước khi bị bắt: Phòng trọ số 2, nhà trọ hẻm 10, đường Đinh Công T, tổ 5, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: lái xe; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Văn T (đã chết) và bà Lê Thị D; vợ Nguyễn Thị Lệ T, có 03 con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ ngày 06/6/2023 và sau đó bị tạm giam cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố P. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Nguyễn Thị Yến C; địa chỉ: Làng N, xã Ia M, huyện C, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

+ Chị Nguyễn Thị Lệ T; địa chỉ: Thôn Hoàng Y, xã Ia P, huyện C, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

+ Chị Trần Thị H, địa chỉ: Thôn An T, xã Cư A, huyện Đak P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

+ Anh Trần Đức T; địa chỉ: Thôn Cộng H, xã Tịnh Ấn T, thành phố Quảng N, tỉnh Quảng N. Vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị T; địa chỉ: 55/48 Phan Đăng L, tổ 2, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Người chứng kiến*: Ông Lê H; địa chỉ: Tổ 6, phường Ia K, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đào Trọng S sử dụng ma túy từ khoảng thời gian tháng 12 năm 2019. Qua mối quan hệ ngoài xã hội, S có biết một người đàn ông tên M (hiện chưa xác định được nhân thân, địa chỉ) có bán ma túy (loại Methamphetamine). Vào ngày 20/5/2023, M có đến chơi với S tại phòng trọ số 02 nhà trọ ở hẻm số 10 đường Đinh Công T, Tổ 05, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Tại đây, M nói với S lấy ma túy đá về bán kiếm lời, S nói lâu nay chỉ có mua ma túy về sử dụng, chứ không biết ai mua mà bán; M nói với S là làm từ từ thì người ta biết. Sau đó, M bỏ đi đâu không rõ. Đến khoảng 18 giờ ngày 05/6/2023, M gọi điện thoại nói với S là M đang kẹt tiền, có mua ma túy thì M bán cho 07 gói với giá 11.000.000 đồng; S nói nếu bớt 400.000 đồng thì mua và M đã đồng ý rồi hẹn gặp S tại khu vực cổng trào đường Võ Văn K, phường Yên T, thành phố P. Đến khoảng 19 giờ 20 phút ngày 05/6/2023, S đón xe taxi của một người đàn ông điều khiển (hiện chưa xác định được người điều khiển, hãng xe và biển số xe) chở đến điểm đã hẹn. Đến nơi, S nói người lái xe taxi đứng đợi để S đi gặp bạn, rồi S đi gặp M và đã mua 07 gói ma túy loại Methamphetamine với giá 10.600.000 đồng; M cho S thêm 01 cân tiêu ly. Sau đó, S lên xe taxi chở về nhà trọ của Vũ Minh L ở số 55/48 đường Phan Đăng L, Tổ 02, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Khi S đến thì có ở L phòng trọ nhưng sau đó L đi mua đồ ăn. Sau khi L đi thì S đã lấy 01 gói ma túy phân chia thành 02 gói nhỏ để có tổng cộng 08 gói. S lấy 02 gói cất giấu vào trong túi quần với mục đích có ai hỏi thì bán; 06 gói còn lại, S cất giấu tại khu vực phía sau bên hông nhà trọ của L, với mục đích để bán sau; cân tiêu ly thì S cất giấu trên trần phòng trọ của L. Đến 21 giờ 28 phút ngày 05/6/2023, khi S đang ở nhà trọ của L thì có 01 nam thanh niên (không rõ nhân thân, lai lịch) gọi điện thoại từ số 0565117769 vào số điện thoại 0862109203 của S và hỏi mua ma túy (loại Methamphetamine) với giá 300.000 đồng, S đồng ý bán và hẹn gặp người này tại trụ đèn giao thông (khu vực chợ Thống Nhất) trên đường Phạm Văn Đ, thành phố P. Lúc này, S lấy 01 gói ma túy cất giấu trước đó trong túi quần và chia thành 02 gói nhỏ để có 03 gói, rồi lấy 01 gói bỏ vào gói thuốc lá hiệu Eagle. Sau đó, S điều khiển xe mô tô hiệu Mikado, loại xe C100, màu nâu, biển số 81B2-272.50 mang 03 gói ma túy này đến điểm, bán cho người thanh niên 01 gói (được bỏ vào gói thuốc lá hiệu Eagle) với giá 300.000 đồng, rồi S điều khiển xe mô tô biển số 81B2-272.50 về để tại phòng trọ của L, rồi đón xe taxi về phòng trọ của S tại hẻm số 10 đường Đinh Công T, Tổ 05, phường T, thành phố P.

Đến 14 giờ 10 phút ngày 06/6/2023, khi S đang cất giấu 02 gói ma túy trong người với mục đích có ai hỏi thì bán và đứng trước nhà số 317 đường Nguyễn Văn C, Tổ 07, phường Ia K, thành phố P, thì bị lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về Ma túy - Công an thành phố P phối hợp với Công an phường Ia Kring bắt quả tang cùng vật chứng, gồm: 02 bì nilon bên trong đều chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng (được niêm phong đánh số “1”); 01 chiếc điện thoại di động hiệu Oppo Note 8 màu đen, kèm thẻ sim (mặt sim có dãy số 8984-04800-03821-19819) (được niêm phong đánh số “2”); 1.300.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Tiến hành khám xét nơi ở của Đào Trọng S tại phòng trọ số 02 nhà trọ ở hẻm số 10 đường Đinh Công T, Tổ 05, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai, nhưng không thu giữ được vật chứng gì.

Trên cơ sở lời khai của Đào Trọng S, Cơ quan điều tra đã hành khám xét phòng trọ của Vũ Minh L tại nhà trọ số 55/48 đường Phan Đăng L, Tổ 02, phường T, thành phố P, đã phát hiện và thu giữ vật chứng, gồm: Tại khu vực phía sau bên hông nhà 01 bì nilon lớn chứa 06 bì nilon nhỏ bên trong đều chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng (được niêm phong đánh số “3”); thu giữ trên trần nhà 01 cân tiểu ly; thu giữ tại phòng khách 01 xe mô tô hiệu Mikado, C100, màu nâu, biển số 81B2-272.50, số khung VTTDCG0V4TT000948, số máy VTTJL1P50FMGN000948.

Qua trưng cầu, tại bản Kết luận giám định số 522/KL-KTHS ngày 15/6/2023 của phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Gia Lai, kết luận: “*Chất màu trắng dạng tinh thể trong 02 bì nilon trong bì công văn ghi số “1” niêm phong gửi giám định đều là ma túy, loại Methamphetamine, tổng khối lượng 4,0982 gam; chất màu trắng dạng tinh thể trong 06 bì công văn ghi số “3” niêm phong gửi giám định đều là ma túy, loại Methamphetamine, tổng khối lượng 18,1084 gam*”.

Cơ quan điều tra đã tiến hành mở niêm phong chiếc điện thoại di động hiệu Oppo Note 8 màu đen của Đào Trọng S, qua kiểm tra danh bạ, nhật ký cuộc gọi đến, cuộc gọi đi và tin nhắn, xác định: Trong danh bạ điện thoại không có lưu ai tên M, có lưu số điện thoại 0902272927 tên “Luc” (theo lời khai của S đây là số điện thoại của Vũ Minh L). Kiểm tra nhật ký cuộc gọi, xác định: Vào lúc 21 giờ 55 phút ngày 05/6/2023, S có điện thoại từ số thuê bao 0862109203 (là số điện thoại của S) đến số thuê bao 0565117769 (S khai đó là số điện thoại của người thanh niên mua ma túy của S); kiểm tra không có nội dung tin nhắn nào liên quan đến hành vi phạm tội mua bán trái phép chất ma túy của S.

Cơ quan điều tra đã tiến hành tra cứu thông tin các số thuê bao 0862109203, 0565117769 và 0902272927 tại Công ty dịch vụ Mobifone Khu vực 7 - Địa chỉ tại số 16 đường Trường C, phường Thắng L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và Công ty cổ phần Viễn thông di động Vietnammobile - Địa chỉ tại số 197 đường Phù Đ, phường Phù Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai, xác định: Vào lúc 21 giờ 28 phút ngày 05/6/2023, có 01 cuộc gọi từ số thuê bao 0565117769 (S khai là số

điện thoại của người thanh niên gọi hỏi mua ma túy của S) đến số thuê bao 0862109203 (là số điện thoại của S). Không có phát sinh cuộc gọi giữa số thuê bao 0862109203 với số thuê bao 0902272927 (là số điện thoại của Vũ Minh L) và không có phát sinh cuộc gọi giữa số thuê bao 0902272927 với số thuê bao 0565117769.

Qua xác minh, xác định: Vũ Minh L, sinh năm 1996; nơi ĐKKHT tại thôn Hoàng Y, xã Ia P, huyện C, tỉnh Gia Lai; vào ngày 20/5/2023, L có thuê phòng trọ số 55/48 đường Phan Đăng L, Tổ 02, phường T, thành phố P của bà Nguyễn Thị T (sinh năm 1954) để ở; đến ngày 06/6/2023 thì L không còn ở đây. Cơ quan điều tra tiến hành xác minh tại phường T, thành phố P và xã Ia P, huyện C, tỉnh Gia Lai thì Vũ Minh L không có mặt tại địa phương nên chưa ghi được lời khai của L.

Đối với chiếc xe mô tô hiệu Mikado, loại xe C100, màu nâu, biển số 81B2-272.50: Qua tra cứu, xác định: Người đứng tên chủ sở hữu chiếc xe này là chị Trần Thị H (sinh năm 1987; trú tại thôn An Th, xã Cư A, huyện Đăk P, tỉnh Gia Lai). Tuy nhiên, chị H khai: Chị H làm nghề mua bán xe mô tô và chị đã bán chiếc xe mô tô này cho một khách hàng (không rõ họ tên, nhân thân, lai lịch); hiện chị H không biết ai đang sở hữu và sử dụng xe mô tô; chị H không biết Đào Trọng S là ai. Đào Trọng S khai chiếc xe này là của S. Vào khoảng tháng 8/2022, S mua của một người (không rõ họ tên, nhân thân, lai lịch) trên mạng xã hội Facebook. Vào ngày 05/6/2023, S đã sử dụng xe mô tô này để đi bán ma túy.

Chiếc điện thoại di động hiệu Oppo Note 8 màu đen (kèm thẻ sim) là của S và S đã sử dụng liên lạc với đối tượng M để mua ma túy và liên lạc với đối tượng để bán ma túy. Chiếc cân tiểu ly, S cất giấu với mục đích để phân chia ma túy. Chiếc bật lửa, bị cáo dùng hàn kín bì ma túy; do hết gas S đã vứt đi nên không thu giữ được.

Đối với 1.300.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, trong đó: 300.000 đồng là tiền do S đã bán ma túy có được, còn có 1.000.000 đồng là của S, không liên quan đến hành vi phạm tội.

* Vật chứng của vụ án, gồm:

+ Chất ma túy còn lại sau giám định trong 02 bì công văn dán kín (được đánh số là 1, 2) đều ghi số 522/PC09, ngày 15 tháng 6 năm 2023 có dấu niêm phong của phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Gia Lai;

+ 01 chiếc điện thoại di động hiệu Oppo Note 8 màu đen (kèm thẻ sim);

+ 01 cân tiểu ly;

+ 1.300.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

+ 01 xe mô tô hiệu Mikado, loại xe C100, màu nâu, biển số 81B2-272.50, số khung VTTDCG0V4TT000948, số máy VTTJL1P50FMGN000948, dung tích xi lanh 97cm³.

Tại Bản Cáo trạng số 51/CT-VKS ngày 05-02-2024 của Viện kiểm sát

nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo Đào Trọng S về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Đào Trọng S về tội “Mua bán trái phép chất ma túy và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm i khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Đào Trọng S mức án từ 09 đến 10 năm tù, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng, án phí: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tịch thu tiêu hủy 02 bì công văn niêm phong số 522/PC09 ngày 15/6/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai và 01 cân tiểu ly; tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Oppp Note 8 màu đen kèm thẻ sim và 300.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và 01 xe mô tô hiệu Mikado, loại xe C100, màu nâu, biển số 81B2-272.50; trả lại cho bị cáo 1.000.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; buộc bị cáo S phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Đào Trọng S khai nhận về hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, về thời gian, địa điểm, diễn biến hành vi đúng như nội dung mà bản Cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với biên bản phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, kết luận giám định và các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Có đủ cơ sở xác định vào ngày 22/5/2023, tại khu vực công chào đường Võ Văn K, phường Yên T, thành phố P, Đào Trọng S đã mua của đôi tượng tên M 07 gói ma túy (loại Methamphetamine) với giá 10.600.000 đồng và được M cho thêm 01 cân tiểu ly; sau đó, S mang về nhà trọ của Vũ Minh L thuê ở tại số 55/48 đường Phan Đăng L, Tổ 02, phường T, thành phố P. Tại đây, S đã phân chia nhỏ thành 09 gói nhỏ, với mục đích để bán. Vào lúc 21 giờ 55 phút ngày 05/6/2023, tại khu vực chợ Thống N trên đường

Phạm Văn Đ, thành phố P, S đã bán 01 gói ma túy cho một người thanh niên (không rõ nhân thân, lai lịch) với giá 300.000 đồng. Đến 14 giờ 10 phút ngày 06/6/2023, khi S đang cất giấu 02 gói ma túy trong người với mục đích có ai hỏi thì bán và đứng trước nhà số 317 đường Nguyễn Văn C, Tổ 07, phường Ia K, thành phố P, thì bị lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về Ma túy - Công an thành phố P phối hợp với Công an phường Ia K bắt quả tang cùng toàn bộ vật chứng. Tiến hành khám xét tại nhà trọ số 55/48 đường Phan Đăng L, Tổ 02, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai (do Vũ Minh L thuê ở) đã thu giữ 01 bì nylon lớn chứa 06 bì nylon nhỏ bên trong đều chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng; 01 cân tiểu ly và 01 xe mô tô hiệu Mikado, loại xe C100, màu nâu, biển số 81B2-272.50.

Kết quả giám định xác định: Chất màu trắng dạng tinh thể có trong 08 gói nylon mà Đào Trọng S tàng trữ với mục đích để bán là ma túy, loại Methamphetamine, tổng khối lượng 22,2066 gam.

Như vậy, hành vi của bị cáo Đào Trọng S đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm i khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Viện kiểm sát nhân dân thành phố P truy tố bị cáo về tội này là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Ma túy là chất kích thích, gây nghiện, hạn chế sử dụng; việc lạm dụng là rất nguy hiểm, là mối nguy hại lớn cho đời sống văn hóa tinh thần, trật tự an toàn xã hội. Do đó thuộc sự quản lý, kiểm soát nghiêm ngặt của cơ quan quản lý nhà nước nhằm không gây nguy hiểm cho xã hội. Việc sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, mua bán phải tuân thủ đúng qui định của pháp luật. Mọi hành vi vi phạm các qui định này đều bị pháp luật nghiêm trị.

[4] Bị cáo S là người đã thành niên, có đủ khả năng lao động, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, bị cáo S hoàn toàn nhận thức được việc mua bán trái phép chất ma túy bị nhà nước nghiêm cấm và bị xử lý nghiêm, nhưng vì nghiện ma túy, lười lao động, muốn có tiền tiêu xài để thỏa mãn nhu cầu bản thân, nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, phạm tội rất nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của nhà nước về chất ma túy mà còn làm ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng và là gánh nặng cho gia đình và xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần xử lý nghiêm bằng hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo ý thức chấp hành pháp luật, cai nghiện để thành công dân có ích cho xã hội, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.

[5] Bị cáo S không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo S có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, bị cáo là lao động chính trong gia đình, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo năm 2018 có cứu người nhảy sông được Công an thị trấn Chư P xác

nhận nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[7] Về hình phạt bổ sung: Qua xem xét tình hình tài sản thì bị cáo không có tài sản gì đảm bảo cho việc thi hành án. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng:

Đối với chất ma túy loại Methamphetamine còn lại sau giám định là chất cấm tàng trữ, lưu hành và 01 cân tiểu ly không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 1.300.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong đó 1.000.000 đồng không liên quan hành vi phạm tội trả lại cho bị cáo; 300.000 đồng tiền bị cáo có được từ việc bán ma túy nên tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Oppp Note 8 màu đen kèm thẻ sim bị cáo sử dụng liên lạc mua bán ma túy và 01 xe mô tô hiệu Mikado, biển số 81B2-272.50 bị cáo sử dụng để đi bán ma túy nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Quá trình điều tra ban đầu, bị cáo S khai: Sau khi S phân chia ma túy xong thì S có đưa cho Vũ Minh L 01 gói ma túy đi bán cho người thanh niên tại trụ đèn giao thông (khu vực chợ Thống N) trên đường Phạm Văn Đ, thành phố P. Tuy nhiên, sau đó S khai lại là do S đi bán; Vũ Minh L không biết và không tham gia. Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, xác minh đối với Vũ Minh L nhưng do Lực không có mặt tại địa phương, chưa ghi được lời khai nên chưa có cơ sở để xử lý đối với L. Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ nếu có căn cứ thì sẽ xử lý sau là có căn cứ.

[11] Đối với chị Nguyễn Thị Yên C (bạn gái của L) và chị Nguyễn Thị Lê Th (là vợ của bị cáo S): Khi Cơ quan điều tra tiến hành khám xét tại nhà trọ của Vũ Minh L tại số 55/48 đường Phan Đăng L, Tổ 02, phường T, thành phố P thì chị C và chị Th đã có mặt tại đây. Tuy nhiên, việc bị cáo S tàng trữ ma túy tại nhà trọ của L thì chị Ch và chị Th đều không biết nên không có căn cứ để xử lý là có căn cứ.

[12] Đối với đối tượng tên M mà bị cáo Đào Trọng S khai đã mua ma túy: Do bị cáo S không biết được nhân thân, lai lịch của M; Cơ quan điều tra đã mở danh bạ, nhật ký cuộc gọi, tin nhắn trong chiếc điện thoại đã thu giữ của bị cáo S, nhưng không xác định được số điện thoại của M và không xác định được nội dung có liên quan đến việc mua chất ma túy do sau khi liên lạc, S đã xóa nhật ký. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh tại địa bàn phường Yên T nhưng không xác định được đối tượng tên M có liên quan đến hoạt động mua bán ma túy. Do đó, chưa có cơ sở để tiến hành điều tra, xử lý; Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh làm rõ và xử lý sau là có căn cứ.

[13] Đối với đối tượng nam thanh niên mà bị cáo S khai đã mua ma túy của S: Do bị cáo S không biết được nhân thân, lai lịch; Cơ quan điều tra đã mở danh bạ, nhật ký cuộc gọi, tin nhắn trong chiếc điện thoại đã thu giữ của bị cáo S có xác định được số điện thoại 0565117769 (S khai là của người thanh niên đã gọi mua ma túy). Tuy nhiên, qua tra cứu tại Công ty cổ phần Viễn thông di động Vietnammobile - Địa chỉ tại số 197 đường Phù Đ, phường Phù Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai, xác định: Số điện thoại này đăng ký chủ thuê bao là anh Trần Đức T (sinh năm 1999; trú tại thôn Cộng Hòa, xã Tịnh Ấn T, thành phố Quảng N, tỉnh Quảng Ngãi); tuy nhiên, anh T khai: Anh T không có làm thủ tục đăng ký số thuê bao 0565117769 và anh T không biết ai đang sử dụng số thuê bao này. Do đó, chưa có cơ sở để tiến hành điều tra, xử lý; Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh làm rõ và xử lý sau là có căn cứ.

[14] Đối với người đàn ông điều khiển xe taxi chở bị cáo Đào Trọng S đi mua ma túy: Do S không biết được họ tên, nhân thân, lai lịch của người đàn ông này; S cũng không biết hãng xe và biển số xe này, nên Cơ quan điều tra chưa có cơ sở để tiến hành điều tra xử lý. Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh và xử lý sau là có căn cứ.

[15] Đối với bà Nguyễn Thị T (sinh năm 1954) là chủ nhà trọ số 55/48 đường Phan Đăng L, Tổ 02, phường T, thành phố P: Bà T có cho L thuê nhà trọ này để ở, nhưng việc bị cáo Đào Trọng S tàng trữ ma túy tại nhà trọ thì bà T không biết. Do đó, không có cơ sở để xử lý là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Đào Trọng S phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm i khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Đào Trọng S 09 (Chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 06/6/2023.

2. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

Tịch thu tiêu hủy 02 bì công văn niêm phong số 522/PC09 ngày 15/6/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai và 01 cân tiểu ly.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Oppp Note 8 màu đen kèm thẻ sim, 300.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và 01 xe mô tô hiệu Mikado, loại xe C100, màu nâu, biển số 81B2-272.50 (đã qua sử dụng).

Trả lại cho bị cáo Đào Trọng S 1.000.000đ (một triệu đồng) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

(Đặc điểm các vật chứng theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài

sản số 82/2024 ngày 06/03/2024 giữa Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Đào Trọng S phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Đào Trọng S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Tp. P;
- Công an Tp. P;
- Chi cục THADS Tp. P;
- Sở tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Thu